

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG**

**DANH SÁCH CB-GV DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2019 – 2020**

TT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy	Ghi chú
1	Nguyễn T. Thanh Hằng	Toán	9A + 8B	
2	Nguyễn Thu Huyền	Toán	9B + 8A	
3	Nguyễn Thị Thúy Hà	Toán	8C	
4	Đàm Thị Tuyết	Ngữ văn	9A + 8C	
5	Lê Thùy Vân	Ngữ văn	9B	
6	Nguyễn Thị Thắm	Ngữ văn	8A + 8B	
7	Nguyễn T. Bích Hồng	Tiếng Anh	9B + 8B	
8	Vũ Thị Hà Thanh	Tiếng Anh	9A + 8C	
9	Nguyễn Thị Hồng Vân	Tiếng Anh	8A	
10	Vũ Ngọc Tuấn	Vật lý	9A + 9B + 8C	
11	Hoàng Thị Dung	Hóa học	9A + 9B + 8ABC	
12	Trần Thu Hạnh	Vật lý	8A + 8B	

Xác nhận của Phòng GD & ĐT.

Phúc Đồng, ngày 18 tháng 08 năm 2019



P. Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Bích Hồng

Đức Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2019

DANH SÁCH
CÁN BỘ GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG

TT	Họ và tên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/ số HS
1	Nguyễn Thị Vân Thủy	Toán	8,9/4T/tuần	8E/37; 9A/38
2	Lê Hữu Thủy	Toán	9/4T/tuần	9B/38
3	Đinh Thị Trịnh Hường	Toán	8,9/4T/tuần	8A/38; 9E/31
4	Phạm Thị Phương	Toán	8,9/4T/tuần	8D/38; 9C/32
5	Nguyễn Thị Vân Anh	Toán	8,9/4T/tuần	8C/33; 9D/38
6	Trần Thị Hồng Giang	Toán	8/4T/tuần	8B/38
7	Nguyễn Thị Hạnh	Ngữ văn	8,9/4T/tuần	8A/38; 9E/31
8	Mai Thị Lan	Ngữ văn	9/4T/tuần	9D/38
9	Phạm Thị Minh Chí	Ngữ văn	9/4T/tuần	9C/32
10	Phạm Thị Thơ	Ngữ văn	8/4T/tuần	8B/32
11	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ngữ văn	8,9/4T/tuần	8E/37; 9B/38
12	Lê Thị Yên Vinh	Ngữ văn	9/4T/tuần	9A/38
13	Phạm Lan Anh	Ngữ văn	8/4T/tuần	8C/33
14	Ngô Thị Phương Liễu	Ngữ văn	8/4T/tuần	8D/38
15	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiếng Anh	8,9/2T/tuần	8E/37; 9A/38
16	Lê Minh Phượng	Tiếng Anh	2T/tuần/8,9	8A/38, 9D/38
17	Cao Hồng Quân	Tiếng Anh	8/2T/tuần	8C/33
18	Bùi Thị Thúy Hà	Tiếng Anh	8,9/2T/tuần	8D/38; 9E/31
19	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiếng Anh	8/2T/tuần	8B/38
20	Nguyễn Viết Toàn	Vật Lý	9/1T/tuần của tháng 11/2019, tháng 2/2020	9A/38; 9B/38; 9C/32
21	Nguyễn Hồng Nhung	Vật Lý	9/1T/tuần của tháng 11/2019, tháng 2/2020	9D/38; 9E/31
22	Nguyễn Thị Lan Anh	Hóa học	9/1T/tuần của tháng 12/2019, tháng 3/2020	9A/38; 9B/38; 9E/31
23	Nguyễn Đức Anh	Hóa học	9/1T/tuần của tháng 12/2019, tháng 3/2020	9C/32; 9D/38
24	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh học	9/1T/tuần của tháng 10/2019, tháng 1/2020	9C/32; 9D/38; 9E/31
25	Phạm Thị Bích Hồng	Sinh học	9/1T/tuần của tháng 10/2019, tháng 1/2020	9A/38; 9B/38
26	Bùi Thị Thúy Hà	Địa lý	9/1T/tuần của tháng	9A/38; 9C/32;

TT	Họ và tên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/ số HS
			10/2019, tháng 1/2020	9D/38
27	Phạm Lan Anh	Địa lý	9/1T/tuần của tháng 10/2019, tháng 1/2020	9B/38; 9E/31
28	Phạm Minh Chí	Lịch sử	9/1T/tuần của tháng 12/2019, tháng 3/2020	9A/38; 9C/32; 9E/31
29	Ngô Thị Phương Liễu	Lịch sử	9/1T/tuần của tháng 12/2019, tháng 3/2020	9B/38; 9D/38
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	GDCD	9/1T/tuần của tháng 11/2019, tháng 2/2020	9A/38; 9B/38; 9C/32; 9D/38; 9E/31

Danh sách này gồm: 26 giáo viên.

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT

HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Lan



**DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐĂNG KÍ DẠY THÊM
TRONG NHÀ TRƯỜNG**
Năm học 2019-2020

TT	Họ và tên GV	Năm sinh	Trình độ	Môn dạy	Lớp dạy
1	Phạm Thị Thanh Hoa	1976	ĐH SP Văn	Ngữ văn	9C, 9D
2	Nguyễn T. Mai Hương	1978	ĐHSP Văn	Ngữ văn	9B, 8B
3	Nguyễn Thị Vân	1979	ĐHSP Văn	Ngữ văn	9A, 8A
4	Đỗ Thị Thu Hương	1976	ĐHSP Văn	Ngữ văn	8C
5	Nguyễn Xuân Lộc	1988	ĐHSP Toán	Toán	9B, 9C, 8C
6	Nguyễn Đình Tuấn	1980	ĐHSP Toán	Toán	9D, 8B
7	Phạm Thuỳ Linh	1990	ĐHPS Toán	Toán	8A
8	Nguyễn Thanh Thuỷ	1995	ĐHSP Toán	Toán	9A
9	Nguyễn T. Lan Hương	1977	ĐHSP Ngoại ngữ	Tiếng anh	9B, 9D, 8A
10	Đào Thị Thu Hiền	1975	ĐHSP Ngoại ngữ	Tiếng anh	9A, 9C, 8B, 8C
11	Nguyễn Tú Anh	1995	ĐHSP Lý	Lý	9A, B, C, D
12	Nguyễn Quỳnh Trang	1996	CĐSP Hoá	Hoá	9A, B, C, D
13	Nguyễn Ngọc Anh	1990	ĐHSP Sinh	Sinh	9A, B, C, D
14	Đoàn Thị Hoa	1990	ĐHSP Địa	Địa	9A, B, C, D
15	Nguyễn Thị Lan Anh	1989	CĐSP Văn- GDCD	GDCD	9A, B, C, D

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
CỰ KHÔI
Đỗ Thị Thu Hương

TRƯỜNG THCS GIA THUY

Số giấy phép:.....Cơ quan cấp:.....
Ngày cấp:.....Có giá trị đến:.....

DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐĂNG KÝ DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú, điện thoại	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Dạy môn	Dạy lớp	Đã nộp đơn và cam kết
1.	Trần Thị Hải	0982220875	Đại học	Toán	Toán	8,9	X
2.	Nguyễn Thị Mai Phương	0935451980	Đại học	Toán	Toán	8,9	X
3.	Nguyễn Thị Lan	0982300420	Đại học	Toán	Toán	8,9	X
4.	Vũ Thị Ái Vân	0913989196	Đại học	Toán	Toán	8,9	X
5.	Nguyễn Tiến Thành	0974425126	Thạc sỹ	Toán	Toán	8,9	X
6.	Thạch Thị Thanh Tú	0983274640	Đại học	Toán	Toán	8,9	X
7.	Đào Thị Hoài Linh	01687831990	Đại học	Toán	Toán	8,9	X
8.	Lê Mạnh Hùng	0846865888	Đại học	Toán	Toán	8	x
9.	Hoàng Thị Nguyệt	0349832740	Đại học	Toán	Toán	8,9	x
10.	Trương Thị Thanh Xuân	0978446888	Đại học	Văn	Văn	8,9	X
11.	Lê Thị Thanh Thủy	0439904008	Đại học	Văn	Văn	8,9	X
12.	Nguyễn Thu Thủy	0988408669	Đại học	Văn, Sử	Văn	8,9	X
13.	Phùng Thị Ánh Tuyết	0983408669	Đại học	Văn, Sử	Văn, Sử	8,9	X
14.	Nguyễn Thị Phương	01685319030	Đại học	Văn, Sử	Văn, Sử	8,9	X
15.	Đoàn Thị Hồng	01689957877	Đại học	Văn, Sử	Văn	8,9	X
16.	Phùng Thị Hồng Thanh	0988833392	Đại học	Văn	Văn	8,9	x
17.	Nguyễn Thị Thu Hà	0989198908	Đại học	Văn	Văn	8	x
18.	Trần Thị Thúy Hậu	0975573833	Đại học	Anh văn	Anh văn	8,9	X



19.	Nguyễn Thu Hương	0915803023	Đại học	Anh văn	Anh văn	8,9	X
20.	Lê Thị Phương Đông	0983057174	Đại học	Anh văn	Anh văn	8,9	X
21.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01675893719	Đại học	Anh văn	Anh văn	8,9	X
22.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	0904553996	Đại học	Anh văn	Anh văn	8,9	X
23.	Nguyễn Thị Hiền	0972474036	Đại học	Anh văn	Anh văn	8,9	X
24.	Quách Thị Hường	0866753691	Đại học	Sử	Sử	9	X
25.	Trần Thị Mùi	0979592617	Cao đẳng	Sử, Địa	Sử	9	X
26.	Trần Thị Hường	0388699288	Đại học	Sử, Địa	Sử	9	X
27.	Trần Thị Huệ Chi	0834631588	Đại học	Lý	Lý	9	X
28.	Nguyễn Thị Minh Chinh	0966821262	Đại học	Lý	Lý	9	X
29.	Nguyễn Thị Thanh Vân	0988765337	Đại học	Lý	Lý	9	X
30.	Nguyễn Thị Hương Thảo	0972058726	Đại học	Lý	Lý	9	X
31.	Nguyễn Thị Phương Thảo	0983645389	Đại học	Hóa, Sinh	Hóa, Sinh	9	X
32.	Nguyễn Hồng Khanh	0979455132	Đại học	Hóa, Sinh	Hóa, Sinh	9	X
33.	Đỗ Thị Hồng Nhung	0989910889	Đại học	Hóa, Sinh	Hóa, Sinh	9	X
34.	Đỗ Thị Thanh Huyền	0916310187	Đại học	Hóa, Sinh	Hóa, Sinh	9	X
35.	Nguyễn Thị Thu Hà	0976541514	Đại học	Sinh	Sinh	9	X
36.	Nguyễn Hoa Minh Tâm	0974912535	Đại học	Sinh	Sinh	9	X
37.	Phạm Thị Huyền	0974558445	Đại học	Hóa, Sinh	Hóa, Sinh	9	X
38.	Lương Thị Thu Hằng	0933200188	Đại học	Địa	Địa	9	x
39.	Trần Thị Hường	0388699288	Đại học	Địa	Địa	9	x
40.	Trần Thị Mùi	0979592617	Đại học	Địa	Địa	9	x
41.	Hoàng Thị Tươi	0964239393	Đại học	Địa	Địa	9	X

42.	Nguyễn Thị Nga	0975672857	Đại học	GDCD	GDCD	9	X
43.	Vũ Thị Phương	0981636199	Đại học	GDCD	GDCD	9	X

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP DẠY THÊM

Gia Thụy, ngày 30 tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Hồng Thanh



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

DANH SÁCH GIÁO VIÊN THAM GIA DẠY THÊM NĂM HỌC 2019-2020
ÁP DỤNG TỪ 26/9/2019 ĐẾN THỜI ĐIỂM SỞ GD THÔNG BÁO MÔN THI THỨ 4 VÀO 10 THPT

TT	TỔ NHÓM	Họ và tên	Chuyên môn			Năm sinh	Hệ đào tạo	Năm vào ngành	Công tác được phân công	Số tiết đứng lớp	Chức vụ
			Văn bằng 1	Văn bằng 2	QĐ tuyển dụng						
3	Xã hội	Lê T Hồng Đăng	Văn		Văn	1986	Th Sý	2011	CN 9E; Văn 9E1;9E2(8t);8D1;8D2(4t)	12	TTCM
4	Xã hội	Tô Thị Kim Thoa	Văn		Văn	1985	Th Sý	2011	CN 8A; Văn8A1;8A2(4t);9A1;9A2(8t)	12	TKHD
5	Xã hội	Ngô Thị Thủy	Văn		Văn	1985	Th Sý	2015	CN8B; V8B1;8B2(4t);9C1;9C2(8t)	12	GV
6	Xã hội	Dương T Hồng Nhung	V-GDCD		Văn	1989	Th Sý	2007	Văn 9D1;9D2(4t); 8G1;8G2(4t)	12	CTCB
7	Xã hội	Nguyễn T.Bích Thuận	V-GDCD		GDCD	1988	DHSP	2015	CN 9B; Văn 9B1;9B2(8t)	8	GV
8	Xã hội	Nguyễn Thu Hương	Văn			1990	CDSP	HD	CN 8E; Văn 8E1;8E2(4t)	4	GV
9	Xã hội	Trần Thị Giang	Văn			1991	DHSP	HD	CN8C; Văn 8C1;8C2 (4t)	4	GV
10	Xã hội	Đoàn Thị Lê	Anh		Anh	1987	Th Sý	2009	NN 9C1;9C2;9D1;9D2;9E1;9E2 (12t)	12	GV
11	Xã hội	Nguyễn Thị Hiền	Anh		Anh	1976	DHSP	1997	NN8B(2t); 9A1;9A2; 9B1;9B2(8t)t	10	GV
12	Xã hội	Nguyễn Thu Hằng	Anh			1994	DHSP	HD	NN8C(2t)	2	GV
13	Xã hội	Lưu T Ngọc Minh	Anh			1962	CDSP	HD	NN 8A(2t)	2	GV
14	Xã hội	Trần Thị Liên	Anh		Anh	1976	DHSP	1998	NN 8E;8D;8G(2t)	6	GV
15	Tự nhiên	Đinh Thị Thanh Chà	T-L		Toán	1973	DHSP	1998	Toán 9B1;9B2(8t)	8	GV
16	Tự nhiên	Phạm Thị Hiền	Toán - Lý		Toán	1978	DHSP	1999	CN8D;Toán 8D1;8D2(4t)	4	GV

17	Tự nhiên	Đào Thị Thu	Toán - Lý		Toán	1984	DHSP	2007	CN9C; Toán 9C1;9C2(8t);8B(2t)	10	GV
18	Tự nhiên	Nguyễn T Thanh Thúy	T-Tin		Tin	1984	CDSP	2010	CN 9D; Toán 9D1;9D2(8t); Toán 8A1;8A2(4t)	12	TTCM
19	Tự nhiên	Thăm T Minh Phương	Toán-C.Nghệ		C.Nghệ	1981	DHSP	2008	Toán 9A1;9A2(8t)	8	GV
20	Tự nhiên	Bùi Văn Hùng	Toán		Toán	1984	DH	2017	CN8G; Toán 8G1;8G2(4t)	4	GV
21	Tự nhiên	Chu Thị Thu	Toán		Toán	1992	DHSP	2013	Toán 8C1;8C2(4t)	4	GV
22	Tự nhiên	Phạm Thị Hương	Địa	Toán	Địa	1985	DHSP	2013	Toán 8E1;8E2(4t)	4	GV
23	Tự nhiên	Nguyễn Hoàng Quân	T-Lý		Lý	1982	DHSP	2004	9B1;9B2;9C1;9C2;9D1;9D2;9E1; 9E2(8t) 8A,8B (2t); Toán 9A1;9A2(8t)	18	GV
24	Tự nhiên	Đặng Thị Yến	Lý-Tin			1992	CDSP	HD	Lí 8E,8G(2t)	2	GV
25	Tự nhiên	Nguyễn Thị Loan	Lý		Lý	1990	DHSP	2015	Lí 8C,8D(2t)	2	GV
26	Tự nhiên	Đào T. Thanh Mai	Hóa - Sinh		Hóa	1979	DHSP	2003	Hóa 9A1;9A2;9E1;9E2(4t); 8A,8B,8C,8D(4t)	8	GV
27	Tự nhiên	Trần Trung Hiếu	Hóa			1995	CDSP	HD	Hóa 9B1;9B2; 9C1;9C2;9D1;9D2(6t) 8E;8G(2t)	8	GV

Long Biên, ngày 8 tháng 8 năm 2019



DANH SÁCH GIÁO VIÊN ĐĂNG KÝ DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2019-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-THCSPL ngày 05/8/2019)

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Dạy môn/ khối lớp
1.	Đinh Thị Hiên	ĐHSP	Ngữ văn	Ngữ văn 9, 8
2.	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	ĐHSP	Ngữ văn	Ngữ văn 9
3.	Kiều Thị Hải	ĐHSP	Ngữ văn	Ngữ văn 8
4.	Ngô Ngọc Bích	ĐHSP CĐSP	Ngữ văn Văn - GD CD	Ngữ văn 9 GD CD 9
5.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Th.s	Ngữ văn	Ngữ văn 9, 8
6.	Lưu Thị Khanh	Th.s	Ngữ văn	Ngữ văn 8
7.	Nguyễn Thị Tiệp	ĐHSP	Ngữ văn	Ngữ văn 8
8.	Đinh Thị Như Quỳnh	ĐHSP	Toán	Toán 9, 8
9.	Nguyễn Thị Diệu Thúy	CĐSP	Toán	Toán 9, 8
10.	Nguyễn Thị Loan	ĐHSP	Toán	Toán 9, 8
11.	Nguyễn Thị Thu Thủy	CĐSP	Toán	Toán 9, 8
12.	Lưu Thị Mai Anh	ĐHSP	Toán	Toán 8
13.	Phạm Thanh Dung	ĐHSP	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9,8
14.	Nguyễn Thị Kim Dung	CĐSP	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9,8
15.	Bùi Thanh Tâm	ĐHSP	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9,8
16.	Đặng Thị Tuyết Nhung	CĐSP	Toán-KTCN	Lý 8
17.	Tạ Thị Tuyết Sơn	ĐHSP	KTCN	Lý 9
18.	Ngô Mỹ Linh	ĐHSP	Vật lý	Lý 9, 8
19.	Nguyễn Thị Thúy	ĐHSP	Vật lý	Lý 8
20.	Hoàng Thu Hiền	ĐHSP	Hóa học	Hóa 8,9
21.	Trần Thị Luyến	ĐHSP	Sinh học	Sinh 9
22.	Kiều Văn Khiêm	CĐSP	Địa- sử	Địa 9
23.	Trần Thị Ngoan	Th.s	Địa	Địa 9
24.	Nguyễn Thị Thanh	ĐHSP CĐSP	Văn Văn – sử	Sử 9



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Mậu Minh

(Kèm theo hướng dẫn số 5898/HĐ-SGD&ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội hướng dẫn thực hiện Quy định về dạy thêm, học thêm)

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN

Mẫu số 2a

Trường THCS Thanh Am

DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG

TT	Họ và tên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/ số HS
1.	Âu Thị Thùy Dung	Văn	8A2/3tiết/tuần	8A2/42 HS
2.	Hoàng Thị Lệ	Văn	8A3/3tiết/tuần	8A2/33 HS
		GDCD	9A1/2tiết/tuần	9A1/34 HS
			9A2/2tiết/tuần	9A2/32 HS
			9A3/2tiết/tuần	9A3/33 HS
3.	Nguyễn T Thu Huyền	Văn	9A1/4tiết/tuần	9A1/34 HS
4.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Văn	9A3/4tiết/tuần	9A3/33 HS
5.	Nguyễn Thị Hoàng Đan	Văn	9A2/4tiết/tuần	9A2/32 HS
6.	Phạm Thị Thu Diễm	Văn	8A1/3tiết/tuần	8A1/37 HS
7.	Đặng Sĩ Đức	Văn	8A4/3tiết/tuần	8A4/33 HS
8.	Lê Thị Ngọc Anh	Toán	9A3/4tiết/tuần	9A3/33 HS
9.	Nguyễn Thế Mạnh	Toán	9A2/4tiết/tuần	9A2/32 HS
10.	Phạm Thị Hồng Ánh	Toán	8A2/3tiết/tuần	8A2/42 HS
			8A3/3tiết/tuần	8A3/33 HS
11.	Ngô Thương Thanh	Toán	8A1/3tiết/tuần	8A1/37 HS
12.	Không Thu Trang	Toán	8A1/3tiết/tuần	8A1/37 HS
13.	Nguyễn Thị Ngọc	Sinh	9A1/2tiết/tuần	9A1/34 HS
			9A2/2tiết/tuần	9A2/32 HS
			9A3/2tiết/tuần	9A3/33 HS
		Hóa	8A3/2 tiết/ tuần	8A3/33HS
			8A4/2 tiết/ tuần	8A4/33HS
			8A5/2 tiết/ tuần	8A5/32 HS
14.	Nguyễn Thúy Quỳnh	Hóa	9A1/2tiết/tuần	9A1/34 HS
			9A2/2tiết/tuần	9A2/32 HS
			9A3/2tiết/tuần	9A3/33 HS
			8A1/2tiết/tuần	8A1/37 HS
			8A2/2tiết/tuần	8A2/42 HS
15.	Trần Thị Linh	Địa	9A1/2tiết/tuần	9A1/34 HS
			9A2/2tiết/tuần	9A2/32 HS
			9A3/2tiết/tuần	9A3/33 HS



16.	Phạm Thị Thu Phương	Lý	9A1/2tiết/tuần 9A3/2tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần 8A3/2tiết/tuần 8A4/2tiết/tuần	9A1/34 HS 9A3/33 HS 8A1/37 HS 8A3/33HS 8A4/33 HS
17.	Ngô Thị Phương Dung	Lý	9A2/2tiết/tuần 8A2/2tiết/tuần 8A5/2tiết/tuần	9A2/32 HS 8A2/42 HS 8A5/32HS
18.	Nguyễn Thùy Mi	Anh	9A3/2tiết/tuần 8A2/2tiết/tuần 8A3/2tiết/tuần	9A3/33 HS 8A2/42 HS 8A3/33HS
19.	Nguyễn T Thu Hạnh	Anh	9A1/2tiết/tuần 9A2/2tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần	9A1/34 HS 9A2/32 HS 8A1/37HS
20.	Dặng Thanh Hương	Anh	8A4/2tiết/tuần 8A5/2tiết/tuần	8A4/33 HS 8A5/32 HS

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019



THỦ TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hà



DANH SÁCH
GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2019– 2020

TT	Họ và tên	Trình độ CM	Môn dạy	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/ số HS
1	Võ Hồng Thủy	Đại học	Toán	2 lớp/8 tiết/ tuần	9B/17hs 9B/18hs 8A/18hs 8A/18hs
2	Vũ Bá Linh	Đại học	Toán	1 lớp/4 tiết/tuần	8C/19 hs 8C/19 hs
3	Nguyễn Thu Hương	Đại học	Toán	1lớp/4 tiết/tuần	9C/19 hs 9C/19hs
4	Hoàng Hồng Hà	Đại học	Toán	1 lớp/4 tiết/ tuần	9A/17hs 9A/18hs
5	Lê Thị Xuân Trang	Đại học	Toán	1 lớp/4 tiết/tuần	8B/18hs 8B/18hs
6	Nguyễn Thị Bích Ngà	Đại học	Ngữ văn	1 lớp/4 tiết/ tuần	8C/19 hs 8C/19 hs
7	Nguyễn Thị Kim Dung	Đại học	Ngữ văn	1 lớp/4 tiết/ tuần	9C/19 hs 9C/19hs
8	Đào Thu Hiền	Đại học	Ngữ văn	1 lớp / 4tiết/ tuần	9A/17hs 9A/18hs
9	Ngô Thị Thu Thủy	Đại học	Ngữ văn	2 lớp/8 tiết/ tuần	9B/17hs 9B/18hs 8A/18hs 8A/18hs
10	Đàm Bích Ngọc	Đại học	Ngữ văn	1 lớp / 4tiết / tuần	8B/18hs 8B/18hs
11	Nguyễn Thị Phương	Đại học	Tiếng Anh	2 lớp/4 tiết/tuần	8C/19 hs 8C/19 hs 9C/19 hs 9C/19hs
12	Nguyễn Thị Oanh	Thạc sĩ	Tiếng Anh	3 lớp / 6 tiết / tuần	8B/18hs 8B/18hs 9A/17hs 9A/18hs 9B/17hs 9B/18hs
13	Lê Ngọc Hiếu	Cao đẳng	Tiếng Anh	1 lớp/2 tiết/tuần	8A/18hs 8A/18hs
14	Đồng Mai Trang	Đại học	Hóa học	3 lớp/ 0.5 tiết/tuần	9A/17hs 9A/18hs

					9B/17hs 9B/18hs 9C/19 hs 9C/19hs
15	Nguyễn Thị Thủy	Cao đẳng	Vật lý	3 lớp/ 0.5 tiết/tuần	9A/17hs 9A/18hs 9B/17hs 9B/18hs 9C/19 hs 9C/19hs
16	Trịnh Xuân Thiệp	Cao đẳng	Sinh học	3 lớp /0.5 tiết/tuần	9A/17hs 9A/18hs 9B/17hs 9B/18hs 9C/19 hs 9C/19hs
17	Hoàng Ngọc Mến	Đại học	Địa lý	1 lớp/0.15 tiết/tuần	9A/17hs 9A/18hs
18	Dương Thị Dung	Đại học	Địa	2 lớp/ 0.5 tiết/tuần	9B/17hs 9B/18hs 9C/19 hs 9C/19hs
19	Đào Thu Hiền	Đại học	Công dân	1 lớp/0.3 tiết/tuần	9A/17hs 9A/18hs 9C/19 hs 9C/19hs
20	Ngô Thu Thúy	Đại học	Công dân	1 lớp/0.15 tiết/tuần	9B/17hs 9B/18hs
21	Nguyễn Thị Huê	Đại học	Sử	3 lớp/0.5 tiết/tuần	9A/17hs 9A/18hs 9B/17hs 9B/18hs 9C/19 hs 9C/19hs

Giang Biên, ngày 19 tháng 8 năm 2019 

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Tám

**DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN DẠY THÊM
TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020**

TT	Họ và tên giáo viên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/số HS
1	Lê Thị Hồng Thái	Ngữ văn	9A1/4tiết/tuần	9A1/38HS
2	Xa Thị Vân	Ngữ văn	9A7/4tiết/tuần	9A7/38HS
3	Dương Thị Ngạn	Ngữ văn	8A2/2tiết/tuần 9A8/4tiết/tuần	8A2/38HS 9A8/34HS
4	Vũ Thị Thu Hà	Ngữ văn	8A3/2tiết/tuần	8A3/36HS
5	Nguyễn Thị Bích Ngân	Ngữ văn	9A2/4tiết/tuần	9A2/38HS
6	Hoàng Thị Huệ	Ngữ văn	9A6/4tiết/tuần	9A4/37HS
7	Nguyễn Thương Huyền	Ngữ văn	8A3/2tiết/tuần 9A9/4tiết/tuần	8A3/37HS 9A9/33HS
8	Trần Thị Huyền Nga	Ngữ văn	8A8/2tiết/tuần	8A8/35HS
9	Nguyễn Thị Dung	Ngữ văn	8A9/2tiết/tuần	8A9/36HS
10	Nguyễn Thị Dương	Ngữ văn	9A5/4tiết/tuần	9A5/38HS
11	Nguyễn Thị Hiền	Ngữ văn	8A4/2tiết/tuần	8A4/38HS
12	Nguyễn Thị Chiên	Ngữ văn	9A4/4tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần	9A4/38HS 8A1/38HS
13	Nguyễn Khôi Trang	Ngữ văn	8A5/2tiết/tuần	8A5/38HS
14	Nguyễn Phương Nga	Ngữ văn	8A7/2tiết/tuần	8A7/38HS
15	Trần Thị Vân Anh	Ngữ văn	8A6/2tiết/tuần	8A6/35HS
16	Phùng Lệ Minh	Anh văn	8A2/2tiết/tuần 9A4/2tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần 9A5/2tiết/tuần	8A2/38HS 8A9/35HS 9A1/38HS 9A9/37HS
17	Cao Thị Thuỷ	Anh văn	8A9/2tiết/tuần	8A9/33HS
18	Nguyễn Thị Minh Hiền	Anh văn	8A7/2tiết/tuần 8A6/2tiết/tuần 9A7/2tiết/tuần 8A8/2tiết/tuần	8A7/38HS 8A8/38HS 9A7/38HS 8A8/34HS
19	Nguyễn Thị Diệu Thuý	Anh văn	8A3/2tiết/tuần 8A4/2tiết/tuần 8A5/2tiết/tuần	8A3/38HS 8A6/37HS 8A5/37HS



			9A2/2tiết/tuần 9A7/2tiết/tuần	9A2/38HS 9A7/38HS
20	Nguyễn Thị Thoa	Anh văn	9A1/2tiết/tuần 9A3/2tiết/tuần 8A6/2tiết/tuần	9A6/38HS 9A3/38HS 9A6/38HS
21	Nguyễn Thị Vân Anh	Anh văn	8A8/2tiết/tuần	8A8/34HS
22	Phạm Minh Nguyệt	Toán	9A7/2tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần	9A7/36HS 8A1/38HS
23	Nguyễn Thị Mai Hương	Toán	9A3/2tiết/tuần 8A9/2tiết/tuần	9A3/38HS 8A9/38HS
	Trương Thị Mai Hằng	Toán	9A5/4tiết/tuần	9A5/37HS
24			8A1/2tiết/tuần	8A1/37HS
25	Nguyễn Thị Thu	Toán	9A4/4tiết/tuần	9A4/38HS
	Nguyễn Thị Mai	Toán	8A2/2tiết/tuần	8A2/37HS
26			9A2/4tiết/tuần	9A2/38HS
27	Phan Thị Hương	Toán	8A7/2tiết/tuần	8A7/35HS
28	Nguyễn Hương Trà	Toán	9A1/2tiết/tuần 8A3/2tiết/tuần	9A1/37HS 8A3/37HS
29	Nguyễn Thị Soan	Toán	9A3/2tiết/tuần	9A3/38HS
30	Đỗ Tuấn Anh	Toán	9A9/4tiết/tuần 8A4/2tiết/tuần	9A9/33HS 8A4/37HS
	Đỗ Mạnh Thu Hà	Toán	9A8/8tiết/tuần	9A8/35HS
31			8A8/2tiết/tuần	8A8/35HS
32	Lê Thị Lan Anh	Toán	8A5/2tiết/tuần	8A5/36HS
33	Phạm Hùng Như	Toán	8A6/2tiết/tuần	8A6/36HS
34	Nguyễn Thị Hoa	Toán	9A6/2tiết/tuần	9A6/33HS
35	Nguyễn Thúy Lệ	Lý	8A3/2tiết/tuần 8A4/2tiết/tuần 8A5/2tiết/tuần 9A2/2tiết/tuần 9A7/2tiết/tuần 8A9/2tiết/tuần	8A3/38HS 8A6/37HS 8A5/37HS 9A2/38HS 9A7/38HS 8A9/38HS
36	Dương Phương Hảo	Lý	8A2/2tiết/tuần 9A4/2tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần 9A5/2tiết/tuần 9A1/2tiết/tuần 9A3/2tiết/tuần 8A6/2tiết/tuần	8A2/38HS 8A9/35HS 9A1/38HS 9A9/37HS 9A6/38HS 9A3/38HS 9A6/38HS

10/1
ĐƠN
HỌC
ĐỒ
★

37	Đào Thị Huyền	Lý	8A7/2tiết/tuần 8A6/2tiết/tuần 9A7/2tiết/tuần 8A8/2tiết/tuần 8A8/2tiết/tuần	8A7/38HS 8A8/38HS 9A7/38HS 8A8/34HS 8A8/34HS
38	Nguyễn Thị Thanh Bình	Hóa	8A3/2tiết/tuần 8A4/2tiết/tuần 8A5/2tiết/tuần 9A2/2tiết/tuần 9A7/2tiết/tuần 9A1/2tiết/tuần 9A3/2tiết/tuần 8A6/2tiết/tuần 8A9/2tiết/tuần	8A3/38HS 8A6/37HS 8A5/37HS 9A2/38HS 9A7/38HS 9A6/38HS 9A3/38HS 9A6/38HS 8A9/33HS
39	Nguyễn Văn Huyền	Hóa	8A2/2tiết/tuần 9A4/2tiết/tuần 8A1/2tiết/tuần 9A5/2tiết/tuần 8A7/2tiết/tuần 8A6/2tiết/tuần 9A7/2tiết/tuần 8A8/2tiết/tuần 8A8/2tiết/tuần	8A2/38HS 8A9/35HS 9A1/38HS 9A9/37HS 8A7/38HS 8A8/38HS 9A7/38HS 8A8/34HS 8A8/34HS

Sài Đồng, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Diệu Thuý

(Kèm theo hướng dẫn số 5898/HD-SGD&ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2013
của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội hướng dẫn thực hiện Quy định về dạy thêm, học thêm)

Mẫu số 2a

UBND QUẬN LONG BIÊN
Trường THCS Thạch Bàn

DANH SÁCH
CÁN BỘ GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020

TT	Họ và tên	Dạy môn	Lịch dạy (nhóm lớp/tiết/tuần)	Nhóm/ số HS
1.	Hoàng Thị Hòa	Ngữ Văn	8B(2)	> 40hs
2.	Trần Hồng Thúy	Ngữ Văn	8G(2), 9B1(4), 9B2(4)	>40hs; >20hs
3.	Dương Thị Luận	Ngữ Văn	8H(2), 9E1(4), 9E2(4)	>40hs; >20hs
4.	Nguyễn Thị Tuyết	Ngữ Văn	8E(2), 9G1(4), 9G2(4)	>40hs; >20hs
5.	Nguyễn Thị Vân Anh	Ngữ Văn	8D(2), 9A1(4), 9A2(4)	>40hs; >20hs
6.	Nguyễn Thị Hà Lan	Ngữ Văn	8A(2)	> 40hs
7.	Lê Thị Thúy Ngoan	Ngữ Văn	9D1(4), 9D2(4)	>40hs; >20hs
8.	Phạm Thị Hà	Ngữ Văn	8C(2)	> 40hs
9.	Đặng Thị My	Ngữ Văn	9C1(4), 9C2(4)	>40hs; >20hs
10.	Trương Bá Minh	Toán	8H(2), 9G1(4), 9G2(4)	>40hs; >20hs
11.	Nguyễn Thị Kim Dương	Toán	8B(2)	> 40hs
12.	Nguyễn Thị Huyền	Toán	8D(2), 9D1(4), 9D2(4)	>40hs; >20hs
13.	Đào Thị Thanh Loan	Toán	9E1(4), 9E2(4)	>40hs; >20hs
14.	Khúc Thị Mỹ Hạnh	Toán	9A1(4), 9A2(4)	>40hs; >20hs
15.	Nguyễn Ngọc Minh	Toán	9B1(4), 9B2(4)	>40hs; >20hs
16.	Nguyễn Thị Phương	Toán	8G(2)	> 40hs
17.	Nguyễn Thị Phượng	Toán	8C(2)	> 40hs

(Kèm theo hướng dẫn số 5898/HD-SGD&ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2013
của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội hướng dẫn thực hiện Quy định về dạy thêm, học thêm)

TT	Họ và tên	Dạy môn	Lịch dạy (nhóm lớp/tiết/tuần)	Nhóm/ số HS
18.	Nguyễn Thị Hồng Vân	Toán	8E(2), 9C1(4), 9C2(4)	>40hs; >20hs
19.	Nguyễn Thị Liên	Toán	8A(2)	> 40hs
20.	Phạm Thị Minh Phụng	Anh Văn	9E1(2), 9E2(2)	>40hs; >20hs
21.	Hồ Thị Kiều Loan	Anh Văn	8E(2), 9C1(2), 9G1(2), 9C2(2), 9G2(2)	>40hs; >20hs
22.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Anh Văn	9A1(2), 9A2(2)	>40hs; >20hs
23.	Nguyễn Thị Lan	Anh Văn	8C(2), 8H(2), 9D1(2), 9D2(2)	>40hs; >20hs
24.	Lưu Thùy Linh	Anh Văn	8A(2), 8B(2), 9B1(2), 9B2(2)	>40hs; >20hs
25.	Trần Thị Khánh Nguyệt	Vật Lý	8E(1), 8H(1), 9A1(1), 9A2(1), 9B1(1), 9B2(1)	>40hs; >20hs
26.	Phạm Thị Ngân	Vật Lý	8A(1), 8C(1), 8G(1)	>40hs; >20hs
27.	Nguyễn Ngọc Chính	Vật Lý	8D(1), 9D1(1), 9D2(1), 9E1(1), 9E2(1)	>40hs; >20hs
28.	Lê Thị Hiện	Vật Lý	8B(1), 9C1(1), 9C2(1), 9G1(1), 9G2(1)	>40hs; >20hs
29.	Hoàng Thị Thanh Hương	Hóa Học	9B1(1), 9B2(1), 9G1(1), 9G2(1),	>40hs; >20hs
30.	Lương Thị Thao	Hóa Học	9C1(1), 9C2(1), 9D1(1), 9D2(1), 9E1(1), 9E2(1),	>40hs; >20hs
31.	Lê Thanh Hường	Hóa Học	9A(1), 9A2(1), 8H(1)	>40hs; >20hs
32.	Vũ Thúy Hường	Hóa Học	8A(1), 8B(1)	> 40hs

Thạch Bàn, ngày 12 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
THẠCH BÀN
Khúc Thị Mỹ Hạnh

**DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG TRƯỜNG
NĂM HỌC 2019 - 2020**

TT	Họ và tên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/số HS
1	Tổng Thị Hoa	Ngữ văn	8A2/2 tiết/ tuần	8A2/39
2	Đặng Kim Liên	Ngữ văn	9A1/2 tiết/ tuần	9A1/ 39
3	Hán Thu Huyền	Ngữ văn	9A6/2 tiết/tuần	9A6/ 37
4	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Ngữ văn	9A2/2 tiết/tuần	9A2/ 39
5	Nguyễn Nguyệt Minh	Ngữ văn	8A5; 9A4/ 4 tiết/tuần	8A5/37; 9A4/ 37
6	Lưu Hoàng Trang	Ngữ văn	8A1; 9A3/4 tiết/tuần	8A1/37; 9A3/36
7	Khúc Ngọc Bích	Ngữ văn	8A7 /2 tiết/tuần	8A7/37
8	Phùng Thị Vui	Ngữ văn	8A6 /2 tiết/tuần	8A6/39
9	Trần Phương Thảo	Ngữ văn	8A3 /2 tiết/tuần	8A3/38
10	Nguyễn Ngọc Lan	Ngữ văn	8A4 /2 tiết/tuần	8A4/39
11	Nguyễn Thị Nhung	Ngữ văn	9A5 /2 tiết/tuần	9A5/39
12	Nguyễn Thị Diệu Hà	Toán	8A5; 9A1/4 tiết/tuần	8A5/37; 9A1/ 39
13	Nguyễn Thị Hồng Hà	Toán	9A2/2 tiết/tuần	9A2/ 39
14	Phạm Thị Hải Yến	Toán	8A1/2tiết/tuần	8A1/ 37
15	Nguyễn Thị Thanh Vân	Toán	8A3,9A4/4tiết/tuần	8A3/38; ,9A4/37
16	Nguyễn Thị Hanh	Toán	8A7; 9A5/4tiết/tuần	8A7/36; 9A5/37
17	Nguyễn T Hương Giang	Toán	8A2/2 tiết/tuần	8A2/39
18	Trần Minh Ngọc	Toán	8A6; 9A6/4 tiết/tuần	8A6/39; 9A6 /37
19	Nguyễn Tuyết Hạnh	Toán	8A4,9A3/4tiết/tuần	8A4/39,9A3/36
20	Vũ Thị Loan	Vật lí	8A2,3 9A2,4/8tiết/tuần	8A2/27; ,8A3/24; ,9A2/28; ,9A4/24
21	Nguyễn Thị Mai	Vật lí	8A1,4 6; 9A1,5 /10 tiết/tuần	8A4/27; ,8A6/24; 9A1/27; 9A5 /24
22	Nguyễn Thu An	Vật lí	8A5,7; 9A3,6/8 tiết/tuần	8A5/28; ,8A7/26; 9A3/25; ,9A6/26



TT	Họ và tên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/số HS
23	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hóa	8A2/2 tiết/ tuần	8A2/26
24	Lê Minh Tâm	Hóa	8A1,5; 9A3,4/8tiết/ tuần	8A1/28; 8A5/27; 9A3/25; ,9A4/28
25	Đỗ Minh Phương	Hóa	8A3,4; 9A1,5/8 tiết/tuần	8A3/24; ,8A4/25; 9A1/27; ,9A5/ 27
26	Đào Thanh Thủy	Hóa	8A6,7; 9A2,6/8 tiết/tuần	8A6/26; ,8A7/25; 9A2/29 ,9A6/26
27	Trần Thị Chào	Anh văn	9A1/ 2tiết/tuần	9A1/ 27
28	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	Anh văn	8A1,9A3/4tiết/ tuần	8A1/27 ,9A3/28
29	Phạm Thị Thu Hương	Anh văn	8A4; 9A2/4 tiết/tuần	8A4/25; 9A2/26
30	Hoàng Thu Hương	Anh văn	8A2,7; 9A5/6tiết/tuần	8A2/29 ,8A7/22; 9A5/26
31	ĐàoThị Quỳnh Anh	Anh văn	8A6, 9A6/4 tiết/tuần	8A6/23, 9A6/26
32	Nguyễn Thị Thùy Chi	Anh văn	8A5/2 tiết/tuần	8A5/26
33	Hoàng Mai Dung	Anh văn	8A3; 9A4/ 4 tiết/tuần	8A3/27; 9A4/30

Ngọc Lâm, ngày 19 tháng 08 năm 2019

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÊ DUYỆT**



Nguyễn Anh Tuấn

TRƯỜNG THCS ÁI MỘ
NĂM HỌC 2019 – 2020

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nhiệm vụ được phân công	Thành tích
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1975	1996	ĐH	Anh	Tiếng Anh 6B; 7CA; 8A; 9E (15), Chủ nhiệm 6B(4)	Giải nhì cấp Quận GV dạy Giỏi môn Tiếng Anh (2015-2016), SKKN cấp TP (2006-2007)
2	Vũ Thị Trang	1990	2012	ĐH	Anh	Tiếng Anh 6D; 8D,G; 9D,H (15), Chủ nhiệm 8G(4)	
3	Vũ Ninh Hà	1968	1988	ĐH	Anh	Tiếng Anh 6G,H; 7H,K; 8E (15), Công nghệ 6M(2)	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Tiếng Anh
4	Hoàng Văn Dũng	1960	1983	ĐH	Anh	Tiếng Anh 6AC; 9AC; 7B(15), Chủ nhiệm 6C(4)	Giải cấp TP GV dạy Giỏi môn Tiếng Anh(1997-1998); GVCN Giỏi cấp Quận
5	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1975	1998	ĐH	Anh	Tiếng Anh 7D; 9B,G; 8B,C (15), Chủ nhiệm 8B(4)	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Tiếng Anh; GVCN Giỏi cấp Quận
6	Trần Thị Ngọc Yến	1971	1991	ĐH	Toán	Toán 7A(4), Toán 9D(5)	Giải nhất GV dạy giỏi môn Toán cấp TP năm 2008
7	Nguyễn Thị Kim Tuyền	1980	2001	ĐH	Toán	Toán 6B(4), Toán 8A(5), Toán 9E(5), Chủ nhiệm 8A (4)	Giải nhất GVCN Giỏi cấp Quận, Giải nhất kĩ năng CNTT cấp TP (2017-2018)
8	Hồ Mai Thúy	1974	1994	ĐH	Toán	Toán 6A (4) Toán 9A(5), Toán 7B(4), Chủ nhiệm 6A (4)	Giải Nhất GV dạy Giỏi môn Toán cấp TP; SKKN cấp TP(2012-2013)
9	Dương Minh Hưng	1976	1998	ĐH	Toán	Toán 9H(5), Toán 8C(5), Toán 6E(4), Chủ nhiệm 9H (4)	GV dạy Giỏi môn Toán cấp Quận, Giải Nhì cấp TP thi bài giảng Elearning.
10	Vũ Thị Thanh Tâm	1993	2016	ĐH	Toán	Toán 6G(4), Toán 7E(4),	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nhiệm vụ được phân công	Thành tích
						8I(5), Chủ nhiệm 8I(4)	
11	Nguyễn Thị Hòa	1978	2007	ĐH	Toán	Toán 6C,7C,9G(13) Tin 6C(2), Chủ nhiệm 6C (4)	Giải ba GVCN Giỏi cấp Quận; GV dạy Giỏi cấp Quận môn Toán, Giải nhất cấp TP trong cuộc thi dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn
12	Nguyễn Thị Hà	1981	2005	ĐH	Toán	Toán 7D(4) Toán 6D(4), Toán 8B (5), Chủ nhiệm 7D (4)	Giải ba GVCN Giỏi cấp Quận
13	Đặng Thị Ngọc	1972	2000	ĐH	Toán - Lý	Toán 6I,7H,8G(13); Lý 8G (1), CN 9H(1), Chủ nhiệm 6I (4)	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Vật Lý(2005), GV dạy Giỏi cấp Quận môn Toán(2008-2009)
14	Phạm Thị Mùi	1977	2000	ĐH	Toán	Toán 9C8H(10) Tin 6DEG(6), Chủ nhiệm 9C (4)	Giải nhì GV dạy Giỏi cấp huyện (2003-2004)
15	Đào Minh Cảnh	1978	2000	ĐH	Toán - Tin	Toán 7G; 8D; 9B (14); Tin 6M (2), Chủ nhiệm 8D (4)	Giải nhất GV dạy Giỏi cấp TP môn Toán
16	Phạm Thu Thủy	1987		ĐH	Toán - Tin	Toán 8E(5) Toán 7K(4), Toán 6M (4) Tin 7K(2), Chủ nhiệm 7K (4)	Giải Nhất GV dạy giỏi cấp quận môn Tin năm 2010
17	Phạm Thùy Dương	1981	2005	ĐH	Văn - GDCD	Chủ nhiệm 9D(4); Văn 9D,7D(10)	GV dạy Giỏi cấp TP môn GDCD (2006,2008), GVG cấp quận môn văn (2016), Giải nhì cấp QG bài giảng E-learning
18	Trần Thị Thúy	1973	1994	ĐH	Văn	Chủ nhiệm 6H(4); Văn 6H,8I(9); Sử 8C,D(4)	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Văn, Sử; GVCN Giỏi cấp Quận
19	Nguyễn Thu Hường	1967	1988	ĐH	Văn	Chủ nhiệm 8C(4); Văn 8C,6C,6M(13); TTCM (3)	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Văn; GV dạy giỏi môn GDCD cấp TP
20	Doãn Thị Xuân	1975	1967	ĐH	Văn	Chủ nhiệm 9B(4); Văn	Giải nhất cấp Quận, giải nhì cấp

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nhiệm vụ được phân công	Thành tích
	Thanh					9B,6B(10), Sứ 7A(2)	TP môn Văn, SKKN cấp TP
21	Nguyễn Thị Kim Oanh	1967	1988	CD	Văn	Chủ nhiệm 7B(4); Văn 7B,9C(10); GD CD 6H,I,K,M(4)	GV dạy Giỏi Văn cấp Quận, GVCN Giỏi cấp Quận, SKKN cấp TP
22	Nguyễn Thị Kim Nhung	1980	2014	ĐH	Văn – Sử	Chủ nhiệm 8E(4); Văn 6E,8E(9); Sứ 9G,H(2)	GV TPT Giỏi cấp TP (2015-2016), (2016-2017), Giải nhất GVG cấp TP môn Lịch sử (2017-2018)
23	Nguyễn Thị Thanh Hòa	1983	2007	ĐH	Văn - GD CD	Chủ nhiệm 9A(4); Văn 9A,8D(11); GD CD 9H(1) TKHD(2)	Giải nhất cấp Quận, nhì TP GVCN Giỏi (2015-2016), Giải nhất CD GD CD “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM”
24	Phạm Thanh Huyền	1985	1997	ĐH	Văn - GD CD	Chủ nhiệm 9E(4); Văn 9E,7K(10); GD CD 9E,8ABC(4)	Giải nhất cấp TP GV dạy giỏi môn GD CD, Giải XS cấp TP GV Thư viện Giỏi (2009)
25	Đặng Quyết Tiến	1994	2016	ĐH	Văn	Văn 9H,8H(11); GD CD 7A,B,C,D,E(5)	
26	Ngô Thị Thúy Anh	1970	1992	ĐH	Văn	Chủ nhiệm 6G(4); Văn 6G,8G(9); Sứ 8G,H(4)	GV dạy Giỏi cấp Quận môn Văn; Giải nhì Bài Giảng E-learning cấp Quốc gia
27	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	1971	1990	ĐH	Văn	Chủ nhiệm 6D(4); Văn 6D,8B(9); Sứ 8EI(4)	GVCN Giỏi cấp Quận, Giải nhì Bài giảng E-learning cấp QG
28	Lưu Thị Huyền	1969	1991	CD	Văn	Chủ nhiệm 7A(4); Văn 7A,8A(9); GD CD 9A,B,C,D,G(5)	Giải Nhất cấp TP GV Thư viện Giỏi (2008) Giải Nhì GVG cấp Quận
29	Nguyễn Thị Hồng	1975	2008	ĐH	Văn – Sử	Chủ nhiệm 9G(4); Văn 9G,7C(10); Sứ 8A,B(4)	GV TPT Giỏi cấp TP(2010),GV dạy Giỏi môn Lịch Sử cấp Quận (2011), cấp TP (2014), SKKN cấp TP (2014 – 2015)
30	Trần Thị Thu Hồng	1987	2010	ĐH	Văn – Sử	Chủ nhiệm 7E(4); Văn	Giải Nhì Lịch sử cấp Quận

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nhiệm vụ được phân công	Thành tích
						7E,7H(8); Sử 9A,B,C,D,E(5)	
31	Nhữ Thị Thu Nhung	1976		ĐH	Văn	Chủ nhiệm 6K(4), Văn 6K,7I(8), GD CD 8H,D,E,G,I(5)	
32	Vũ Thị Hạnh	1978	2000	ĐH	Lý	Lý 9A,B(4); 8A,B(2); 7B(1); 6A,B,E,M(4); CN8B,E(4), Chủ nhiệm 6E (4)	Giải Nhì cấp TP GVG môn Vật lý
33	Đỗ Tuấn Hiệp	1983	2008	ĐH	Lý	Lý 9C,E,G(6),8C(1), 7C,E,H(3); 6D,I,H(3); CN9A,B,C,D,E,G(6)	Giải ba GVG cấp quận môn Lý
34	Bành Thị Thanh Huyền	1986	2011	ĐH	Lý	Lý 6C,G,K(3); 8D,E (2) 9D,H(4) 7A,G,K(3) ; CN 8A,C,D(6)	Giải nhất TP môn Công nghệ
35	Phạm Thị Hường	1991	2016	CĐ	Vật lý	Lý 8H,I(2), Lý 7 D,I(2)	
36	Lê Thị Loan	1977	1999	ĐH	Hóa - Sinh	Hóa 9B,C (4), 8B,H(4), Sinh 8H, 9G(4), Chủ nhiệm 8H (4), TTCM(3)	GVG cấp TP môn Hóa
37	Nguyễn Thị Thu Hà	1978	1999	ĐH	Hóa - Sinh	Hóa 8A, 9A,D,G(8), Sinh 7D,G,9E(6)	Giải nhất GVG cấp TP môn Sinh
38	Vũ Thị Hương	1983	2006	Thạc sĩ	Hóa - Sinh	Sinh 9A,B, 8A , 6M(8), Hóa 9E,H, 8C(6), CN 6M(4), PCTCD(2)	Giải Nhì GVG cấp TP môn Hóa
39	Ngô Phương Thúy	1996	2018	ĐH	Hóa	Hóa 8E,G(4), CN 6H,I,K(6), 8G,H (4)	
40	Nguyễn Thị Kim Anh	1996	2015	Thạc sĩ	Hóa	Hóa 8D,I(4), TV	
41	Đặng Thị Việt Hà	1982	2010	CĐ	Địa – Sử	Địa 7A,B(4), 9D,E,H(6), 6D,E,G(3), 8A,B,C(3),	Giải Ba cấp Quận bài giảng E-learning

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào ngành	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nhiệm vụ được phân công	Thành tích
						Công nghệ 7E,G(2)	
42	Ngô Thị Chung Hậu	1977	2000	ĐH	Địa	Địa 9A,B,C,G(8), 6A,B,C(3), 7H(2), CLB8, Chủ nhiệm 7H(4), TPCM(1)	Giải Nhất GVG cấp TP môn Địa
43	Quách Thị Thu	1964	1987	ĐH	Sinh	Sinh 9C,D,H(6), 7A,C,H(6), 6A,C,H(6)	GVG cấp Quận môn Sinh

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Nga

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2019 – 2020

TT	Họ và tên	Môn	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần,tháng)	Số lớp/ số HS
1	Phạm Anh Tú	Toán	9A/4t/tuần	1/31
2	Nguyễn Hoài Thanh	Toán	8C/4t/tuần,9B/4t/tuần	2/65
3	Nguyễn Thị Ninh	Toán	9E/4t/tuần,8D/4t/tuần	2/68
4	Nguyễn Văn An	Toán	8B/4t/tuần	1/35
5	Trần Thị Phương	Toán	9C/4t/tuần	1/38
6	Trần Thị Đông	Văn	9D/4t/tuần	1/38
7	Nguyễn Thu Phương	Văn	8E/4t/tuần	1/29
8	Trần Thị Kim Anh	Văn	9A/4t/tuần	1/31
9	Lương Ngọc Khánh	Văn	9E/4t/tuần,8D/4t/tuần	2/68
10	Nguyễn Thị Hiền	Toán	8E/4t/tuần	1/29
11	Vũ Thị Thanh Thúy	Văn	9B/4t/tuần	1/33
12	Đặng Thu Loan	Tiếng Anh	8D,9D,9E/6t/tuần	1/38, 2/69
13	Nguyễn Quế Lan	Tiếng Anh	8C, 8A,9C/6t/tuần	2/46, 1/37
14	Lê Hồng Linh	Tiếng Anh	9A/2t/tuần	1/29
15	Nguyễn Thị Thoa	Toán	8A/4t/tuần	1/32
16	Nguyễn Song Đăng	Toán	9D/4t/tuần	1/38
17	Nguyễn Thu Trang	Tiếng Anh	8B, 8E/4t/tuần	2/63
18	Nguyễn Thị Si	Sinh	9C,E/4t/tháng	2/62
19	Âu Thu Hường	Hóa	9B,C/4t/tháng	2/60
20	Nguyễn Phương Anh	Lý	9A,D,E/6t/tháng	3/90
21	Đặng Thị Phương	Lý, Hóa	9B,C,9A,D,E/10t/ tháng	5/150
22	Nguyễn Ninh Chi	Địa	9A,C,D/6t/ tháng	3/102
23	Hoàng Thị Thắm	Sử	9A,D,C,D,E/10t/ tháng	5/150
24	Lê Thu Trang	Địa	9B,E/4t/ tháng	2/48
25	Nguyễn Bích Ngọc	Sinh	9A,B/4t/tháng	2/52
26	Vũ Thị Hải Yến	Sinh	9D/2t/tháng	1/36

Đức Giang , ngày 22 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Hải Yến

DANH SÁCH
GIÁO VIÊN DẠY THÊM - HỌC THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG

STT	HỌ VÀ TÊN	MÔN DẠY	KHỐI DẠY	SỐ TIẾT/TUẦN	GHI CHÚ
1.	Hoàng Thị Hồng Vân	Văn	9	4	
2.	Phùng Thị Thư	Văn	8,9	7	
3.	Phạm T. Thanh Bình	Văn	9	4	
4.	Nguyễn T. Kim Nhân	Văn	8,9	7	
5.	Nguyễn Thị Thanh Thư	Văn	8	3	
6.	Nguyễn Thị Nga	Văn	8	3	
7.	Trần Thị Nhiều	Văn	8	3	
8.	Hà Thị Mai Hoa	Văn	8,9	7	
9.	Nguyễn Quỳnh Phương	Ngoại ngữ	9	4	
10.	Nguyễn Minh Phương	Ngoại ngữ	8,9	11	
11.	Trịnh Thanh Xuân	Ngoại ngữ	9	4	
12.	Đặng Thị Thái Bảo	Ngoại ngữ	8,9	10	
13.	Nguyễn Thu Vân	Toán	8,9	11	
14.	Trần Thị Hương Giang	Toán	9	8	
15.	Bùi Thị Duyên	Toán	8	3	
16.	Bùi Văn Đạo	Toán	8	3	
17.	Nguyễn Thị Huyền	Toán	8,9	7	
18.	Nguyễn Thu Trang	Toán	8	3	
19.	Đặng Thị Hậu	Toán	8	3	
20.	Phạm Như Trang	Vật lý	8,9	10	
21.	Đỗ Thị Thu Hoài	Vật lý	8,9	6	
22.	Đỗ Minh Xuân	Vật lý	8,9	6	
23.	Lê Mai Oanh	Hóa	8	4	
24.	Nguyễn Thị Nguyệt	Hóa	8, 9	10	
25.	Vũ Trí Công	Hóa	8,9	8	

Thượng Thanh, ngày 08 tháng 8 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Hồng Giang

TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG

DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG
HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 – 2020

TT	Họ và tên	Môn	Trình độ CM	Lịch dạy (lớp/tiết/tuần)	Lớp/Số HS
1	Vũ Thị Kim Tuyền	Ngữ văn	CĐ	9A/8tiết/tuần	9A/42
2	Ng. Thị Sơn Hường	Ngữ văn	ĐH	9B/8tiết/tuần, 8A/4t/tuần	9B/41
4	Phan Đình Long	Ngữ văn	ĐH	9D/8tiết/tuần, 8E/4t/tuần	9D/35, 8E /35
5	Ngô Thúy Loan	Ngữ văn	ĐH	8C/4t/tuần	8C/36
6	Đinh Thị Huế	Ngữ văn	ĐH	9B/8tiết/tuần	9B/41
7	Nguyễn Thanh Hà	Ngữ văn	CH	8B/4t/tuần	8B/45
8	Tạ T. Thanh Hương	Ngữ văn	CĐ	8D/4t/tuần	8D/36
9	Nguyễn Thị Thuý	Toán	ĐH	9A/8tiết/tuần	9A/42
10	Đỗ Kim Khánh	Toán	CĐ	8A/4t/tuần	8A/49
11	Nguyễn Hồng Huyền	Toán	ĐH	9D/8tiết/tuần	9D/35
12	Nguyễn Ngọc Anh	Toán	CĐ	8D/4t/tuần	8D/36
13	Đỗ Đức Duy	Toán	CĐ	8E/4t/tuần	8E/35
14	Ng. T. Thanh Mỹ	Toán	CĐ	9C/8tiết/tuần, 8C/4t/tuần	9C/45
15	Ng. Khánh Huyền	Toán	ĐH	9B/8tiết/tuần	9B/41
16	Vũ Thị Thu Hà	Tiếng Anh	ĐH	8A/2t/tuần, 9A/6t/tuần, 9D/6t/tuần	8A/49, 9A/42, 9D/35
17	Nguyễn Bá Thắng	Tiếng Anh	ĐH	8B/2t/tuần, 9B/6t/tuần	9B/41
18	Bùi Văn Cương	Tiếng Anh	B2	8D/2t/tuần, 9C/6t/tuần	8D/36, 9C/45
19	Lương Thị Nhung	Tiếng Anh	CĐ	8C/2t/tuần	8C/36

Việt Hưng, ngày 30 tháng 8 năm 2019



Lê Kim Tuyền

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY

PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN DẠY THÊM, HỌC THÊM
Năm học 2019 - 2020

TT	Họ và tên	Năm sinh	C.môn ĐT (chính quy)	Môn - Số tiết
1	Phạm Mai Hương	1974	ĐH Văn	Văn 9A1(2t), 8A1(2t) = 4t
2	Vô Thanh Phương	1965	CĐ Văn	Văn 9A7(2t) = 2t
3	Trịnh Thị Giang	1984	CĐ Văn	Văn 9A5(2t) = 2t
4	Trần Minh Phương	1980	CĐ Văn	Văn 9A7(2t), 8A3(2t) = 4t
5	Đặng Mai Trang	1980	CĐ Văn	Văn 9A4(2t), 8A4 = 4t
6	Hà Thị Nghệ	1976	ĐH Văn	Văn 8A5(2t) = 2t
7	Ngô Thị Hồng	1979	ĐH Văn	Văn 9A2(2t) = 2t
8	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1978	ĐH Văn	Văn 9A8(2t) = 2t
9	Trương Tổ Uyên	1984	CĐ Văn	Văn 8A2(2t), 9A3(2t) = 4t
10	Phạm Tuyết Mai	1976	CĐ Văn	Văn 9A6(2t), 8A6(2t) = 4t
11	Nguyễn Thu Thủy	1988	CĐ Văn	Văn 8A8(2t) = 2t
12	Vũ Thị Lựu	1968	ĐH Toán	Toán 8A2(2t), 9A8(2t) = 4t
13	Nguyễn Thị Hồng	1981	CĐ Toán - tin	Toán 9A2(2t), 8A8(2t) = 4t
14	Trần Thu Hà	1981	CĐ Toán	Toán 8A3(2t) = 2t
15	Lưu Thanh Bình	1975	CĐ Toán	Toán 8A6(2t) = 2t
16	Hồ Xuân Hương	1973	ĐH Toán	Toán 9A7(2t) = 2t
17	Nguyễn Thanh Hải	1963	ĐH CN Toán	Toán 8A7(2t), 9A6(2t) = 4t
18	Hoàng Kim Quy	1973	ĐH Toán	Toán 9A3(2t) = 2t



19	Nguyễn Lan Hương	1971	ĐH Toán	Toán 8A4(2t), 9A4(2t) = 4t
20	Lê Lan Hương	1969	CĐ Toán	Toán 9A5(2t), 8A5(2t) = 4t
21	Đào Lệ Hà	1971	CĐ Toán	Toán 8A1(2t) = 2t
22	Phan Thị Xuân Mai	1970	ĐH Toán	Toán 9A1(2t) = 2t
23	Bùi Thị Nguyên Ngọc	1982	ĐHNN	Anh 8A1,5(4t), 9A4,7,8 (6t) = 10t
24	Đỗ Kim Vang	1986	CĐ NN	Anh 8A2,6,7,8 = 8t
25	Ng. T.Thanh Huyền	1992	ĐH NN	Anh 8A3,4(4t), 9A2,5(4t) = 8t
26	Nguyễn Thị Hiếu	1992	ĐHNN	Anh 9A1,3,6 (4t) = 4t
27	Cao Phương Anh	1985	CĐ Lý – Tin	Lý 9A2(2t), 9A5(2t) = 4t
28	Phan Thanh Vân	1964	CĐ Lý	Lý 8A2(2t), 8A3(2t), 9A1, 9A7,8(6t) = 10t
29	Nguyễn Thùy Giao	1995	CĐ Lý	Lý 8A4(2t), 8A5(2t), 8A7(2t), 9A4(2t) = 8t
30	Nguyễn Thị Thịnh	1990	ĐH Lý	Lý 8A1,6,8(6t), 9A3,6(4t) = 10t
31	Cung Lan Hương	1974	CĐ Hóa - Sinh	Hóa 8A8(2t), 9A2(2t) = 4t
32	Trần Thị Nguyên	1973	CĐ Hóa – Sinh	Hóa 8A7(2t), 9A2,3,6 (6t) = 8t
33	Đỗ Hữu Tuấn	1981	CĐ Hóa - Sinh	Hóa 8A4(2t), 8A3(2t), 9A1(2t), 9A7(2t) = 8t
34	Lưu Thu Dung	1987	CĐ Hóa – Sinh	Hóa 8A1(2t), 8A5(2t), 9A4(2t), 9A7(2t) = 8t
35	Hoàng Hải Nguyên	1995	CĐ Hóa	Hóa 8A5(2t), 9A5(2t) = 4t

Ngọc Thụy, ngày 15 tháng 8 năm 2019


 K. HIỆU TRƯỞNG
 PH. HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGỌC THUY
 Lê Thị Thu Hoa

Long Biên, ngày 28 tháng 8 năm 2019

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN DẠY THÊM TRONG NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2019 - 2020**

TT	Họ và tên	Môn	Lớp dạy	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ngữ văn	9A2,8A1	
2	Nguyễn Thị Hương Tươi	Ngữ văn	9A1	
4	Nguyễn Thị Thanh Tú	GDCD	9A1, 9A2, 9A3, 9A4, 9A5	
5	Phạm Thanh Nga	Ngữ văn	9A5,8A5	
6	Đinh Thị Kim Yến	Ngữ văn	9A4	
7	Nguyễn T.Hồng Khanh	Ngữ văn	9A3,8A1	
8	Phạm Văn Quý	Sinh, Hóa	9A1, 9A4	
9	Nguyễn Thị Hà My	Hóa	8A2, 8A4	
10	Nguyễn Thị Thu Phương	Toán	9A4,8A1	
11	Võ Thị Liễu	Toán	9A3	
12	Lê Hồng Hạnh	Toán	9A2,8A4	
13	Hoàng Thu Trang	Toán	9A5,8A2	
14	Nguyễn Thị Kim Nhung	Toán	9A1,8A5	
15	Vũ Thị Thanh Thảo	Sinh, Hoá	9A2, 9A3, 9A5	
16	Trần Thị Huyền	Tiếng Anh	9A3,8A4,8A3	
17	Phạm Thúy Nga	Tiếng Anh	8A1,8A2,8A5, 9A3, 9A5	
18	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Tiếng Anh	9A1	
19	Tông Thảo Hiền	Tiếng Anh	8A5,9A2	
20	Nguyễn Thị Thu Hằng	Địa lý	9A1, 9A2, 9A3, 9A4, 9A5	